

VỤ ỔN ĐỊNH TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH

BẢN TÓM TẮT BÁO CÁO ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH 2023

1. Bối cảnh kinh tế - tài chính quốc tế và tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2023

Kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng trưởng chậm lại, thương mại toàn cầu suy giảm, lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn dai dẳng, tổng nợ toàn cầu tăng. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3,2% trong năm 2023¹ - cao hơn 0,1% so với số liệu đưa ra trong tháng 1/2024, song vẫn thấp hơn mức tăng trưởng 3,4% của năm 2022 và mức tăng trưởng trung bình 3,8% của giai đoạn 2000-2019. Đối với lạm phát, lạm phát tổng thể trên toàn cầu đã giảm từ 8,7% trong năm 2022 xuống còn 6,8% trong năm 2023 và dự báo có thể giảm xuống 5,9% năm 2024 và 4,5% năm 2025. Mặc dù vậy, lạm phát tổng thể trong năm 2023/24 ước tính vẫn cao hơn mức mục tiêu trung bình của giai đoạn 2017/19, thể hiện áp lực lạm phát dai dẳng hơn dự kiến. Thương mại toàn cầu suy giảm do tác động đan xen của nhiều yếu tố bất định, giá cả hàng hóa có xu hướng giảm trong năm 2023. Trong khi đó, nợ toàn cầu tăng thêm 15 nghìn tỷ USD trong năm 2023 lên mức cao kỷ lục 313 nghìn tỷ USD² do lãi suất cao hơn làm tăng chi phí đi vay đối với hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ các nước.

Xu hướng điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của các Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới (NHTW) có sự phân hóa. Một số NHTW ở các nước phát triển như Mỹ, EU tiếp tục thắt chặt CSTT để kiểm soát lạm phát (tuy nhiên đã có dấu hiệu kết thúc chu trình tăng lãi suất vào nửa sau năm 2023). Trong khi đó, NHTW Nhật (BOJ) và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) duy trì CSTT nới lỏng nhằm hỗ trợ nền kinh tế.

Thị trường tiền tệ - tài chính toàn cầu trải qua nhiều biến động trong năm 2023. Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù mặt bằng lãi suất ở mức cao. Nhiều chỉ số chứng khoán lớn trên thế giới ghi nhận mức

¹ Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới tháng 4/2024. <https://www.imf.org/en/Publications/WEO>

² Theo Viện tài chính quốc tế (IIF)

tăng trưởng hai con số³. Lợi suất trái phiếu Chính phủ ở một số nước phát triển tăng lên mức cao kỷ lục trong nhiều năm như ở Mỹ, Đức, Nhật Bản⁴. USD tăng giá mạnh trong tháng 9/2023 và đầu tháng 10/2023, sau đó giảm tới 5,2% trong quý IV/2023 do Fed dừng tăng lãi suất trong quý cuối năm 2023. Tính chung trong cả năm 2023, đồng USD giảm 2,12% so cuối năm trước. Trong khi đó, giá vàng quốc tế theo xu hướng tăng là chủ đạo, từ mức 1.831 USD/oz (ngày 3/1/2023) lên 2.069 USD/oz (ngày 29/12/2023), tương đương tăng 13% do căng thẳng địa chính trị, lạm phát tăng cao ở các quốc gia lớn và các quyết định về chính sách tiền tệ của Fed...

Rủi ro ổn định tài chính gia tăng do chính sách tiền tệ thắt chặt ở một số nền kinh tế lớn và tính dễ bị tổn thương tiềm ẩn trong hệ thống tài chính. Môi trường lãi suất thấp với thanh khoản dồi dào sau khủng hoảng tài chính toàn cầu đã tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia thị trường tăng tỷ lệ sử dụng đòn bẩy, khiến rủi ro thanh khoản, rủi ro kỳ hạn và rủi ro tín dụng gia tăng. Để kiềm chế lạm phát, các NHTW chuyển sang lập trường thắt chặt tiền tệ đã khiến thanh khoản sụt giảm mạnh và bộc lộ tính dễ bị tổn thương tiềm ẩn trong hệ thống tài chính và gia tăng rủi ro đối với ổn định tài chính. Sự sụp đổ của ba ngân hàng vừa và nhỏ Mỹ và ngân hàng toàn cầu Credit Suisse (CS) ở châu Âu hồi đầu năm 2023 phát đi tín hiệu về những thách thức này.

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2023

Năm 2023, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,05%, thấp hơn mục tiêu của Chính phủ nhưng cao hơn nhiều nước trong khu vực và thế giới trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chậm lại rõ rệt⁵.

CPI năm 2023 được kiểm soát ở mức tương đối tốt. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 tăng 3,58% so với cuối năm trước. Tính chung cả năm 2023, lạm phát tăng 3,25% so với năm trước, thấp hơn so với mục tiêu 4,5% do Quốc hội đề ra.

Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 chưa đạt được như kỳ vọng nhưng cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư kỷ lục gần 28,3 tỷ USD, gấp hơn 2,3 lần so với năm 2022.

³ Chỉ số S&P500 và Dow Jones của Mỹ lần lượt tăng 24,2% và 13,7% trong cả năm 2023; chỉ số Eurostoxx 50 tăng 17,3%; chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản là chỉ số tăng mạnh nhất với mức tăng 28,2%

⁴ Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng cao kỷ lục lên mức 5,02% trong tháng 10/2023- mức cao nhất trong vòng 16 năm. Tại châu Âu, lợi suất trái phiếu chính phủ Đức kỳ hạn 10 năm cũng có lúc vượt ngưỡng 3%, mức cao nhất kể từ năm 2011. Tại Nhật Bản, lợi suất trái phiếu dài hạn tăng lên mức chưa từng có trong thập kỷ qua, khi NHTW Nhật Bản nới lỏng chính sách kiểm soát đường cong lợi suất.

⁵ Mỹ: 3,3%; EU: 0,5%; Nhật Bản: 1,9%; Malaysia: 3,8%; Indonesia: 5,04%; Thái Lan: 1,9%.

Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 681 tỷ USD, giảm 6,9% so với năm trước.

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2023 ước thặng dư 5,61 tỷ USD, đảo chiều so với mức thâm hụt 22,745 tỷ USD của năm 2022. Tính chung 12 tháng năm 2023, cán cân vãng lai thặng dư 25,1 tỷ USD, cán cân hàng hóa thặng dư 43,96 tỷ USD, cán cân dịch vụ thâm hụt 9,46 tỷ USD, Thu nhập đầu tư (thu nhập sơ cấp) thâm hụt hơn 22,46 tỷ USD, cán cân tài chính thâm hụt 2,84 tỷ USD.

Dự trữ ngoại hối nhìn chung có cải thiện so với cuối năm 2022. Tính đến hết tháng 12/2023 tăng khoảng 6,5% so với cuối năm 2022. Mặc dù dự trữ ngoại hối chỉ tăng nhẹ so với cuối năm ngoái nhưng đã thể hiện được nỗ lực của NHNN đối với việc gia tăng dự trữ ngoại hối trong bối cảnh FED và một số NHTW của các nước tiếp tục duy trì lãi suất cao, tạo áp lực lên tỷ giá trong nước tại một số thời điểm.

Tỷ giá trong nước chịu áp lực lớn tại một số thời điểm trong năm 2023 nhưng vẫn tương đối ổn định so với các nước khác trong khu vực. NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ CSTT để góp phần ổn định thị trường ngoại tệ trong từng giai đoạn. Tỷ giá trung tâm ngày cuối năm 2023 ở mức 23.866 đồng, tăng khoảng 1,08% so với thời điểm cuối năm 2022; Tỷ giá USD/VND trên thị trường khoảng 24.420 VND đổi 1 USD⁶, VND giảm giá khoảng 2,9% trong cả năm 2023, phù hợp với xu hướng chung của một số đồng tiền khác⁷ trong khu vực.

Cán cân ngân sách thâm hụt 14,1 nghìn tỷ đồng trong cả năm 2023⁸. Tính chung 12 tháng đầu năm, lũy kế tổng thu ngân sách nhà nước đạt 1.717,8 nghìn tỷ đồng, bằng 106% dự toán năm và giảm 5,4% so với năm trước; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm trước. Ngoại trừ Q1/2023, cán cân ngân sách thặng dư khoảng 128,1 nghìn tỷ đồng thì cả 3 quý còn lại trong năm, cán cân ngân sách đều thâm hụt. Tình hình ngân sách gặp khó ngoài lý do xuất phát từ nền kinh tế gặp khó khăn chung do tình hình thế giới thì còn đến từ việc nhà nước hỗ trợ các chính sách cho người dân và doanh nghiệp như miễn, giảm, gia hạn thuế...

⁶ Tỷ giá bán ra Vietcombank

⁷ Theo số liệu Reuters, một số đồng tiền giảm giá so với USD trong năm 2023 như : MYR (-4,32%), LAK (-18,13%), KRW (-2,71%), CNY (-2,91%)...

⁸ Số liệu từ GSO

2. Tình hình thị trường tài chính trong nước năm 2023

Năm 2023, thị trường tiền tệ diễn biến ổn định, hệ thống TCTD đảm bảo về vốn khả dụng, tỷ giá USD/VND chỉ tăng dưới 3%, NHNN mua được ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối, mặt bằng lãi suất giảm theo chỉ đạo của Chính phủ.

Để đạt được kết quả trên, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, NHNN 04 lần liên tục giảm lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5-2,0%/năm⁹; chỉ đạo các TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Theo đó, đến cuối năm 2023, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các NHTM giảm khoảng hơn 2,5%/năm so với cuối năm 2022.

Trong năm 2023, NHNN đã ban hành và triển khai nhiều chính sách hỗ trợ như Thông tư 02/2023/TT-NHNN cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, góp phần tháo gỡ khó khăn cho người vay vốn, Thông tư 03/2023/TT-NHNN, Thông tư 06/2023/TT-NHNN hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng ngân hàng, tổ chức nhiều chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận tín dụng trên toàn quốc.

Thị trường chứng khoán

Thị trường cổ phiếu

Sau đợt suy giảm mạnh trong năm 2022, thị trường cổ phiếu Việt Nam đã cho thấy những dấu hiệu phục hồi trong năm 2023. VNIndex nằm trong xu hướng tăng, đạt 1.129,93 điểm tại thời điểm 29/12/2023 và tăng 12,2% so với thời điểm đầu năm. Sự tăng trưởng của VNIndex trong năm 2023 cũng cao hơn nhiều chỉ số giá cổ phiếu của nhiều thị trường trên thế giới như Hồng Kông, Thượng Hải, Singapore, Malaysia, Thái Lan...

Tuy nhiên, những biến động của VNIndex trong năm 2023 cũng cho thấy thị trường cổ phiếu Việt Nam vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tổng giá trị giao dịch tiếp tục xu hướng giảm, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trong phần lớn thời

⁹ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3,0%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm. (ii) Lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND tại các TCTD: đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,0%/năm xuống 0,5%/năm, kỳ hạn 1T-dưới 6T giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND giảm từ 5,5%/năm xuống 4,0%/năm.

gian của năm và VNIndex đã có nhiều đợt sụt giảm mạnh chỉ trong thời gian ngắn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam trong năm 2023 cho thấy những tín hiệu tích cực hơn so với năm 2022. Giá trị phát hành trong năm 2023 đạt 333.988 tỷ đồng, tăng 37,8% so với năm 2022. Trong đó, giá trị phát hành riêng lẻ và giá trị phát hành ra công chúng lần lượt đạt 296.917 và 37.070 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 19,4% và 74,6%. Dư nợ TPDN so với GDP tăng từ 11,2% trong năm 2022 lên 11,9% trong năm 2023. Các TCTD và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực bất động sản chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất trong năm 2023, trong đó giá trị phát hành của 2 nhóm đối tượng này đều lần lượt tăng khoảng 44,6% và 42,3% so với năm 2022.

Mặc dù đã có sự cải thiện, thị trường TPDN còn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Lãi suất phát hành bình quân trong năm 2023 tăng khoảng 2%, trong khi kỳ hạn phát hành bình quân giảm 0,4 năm so với năm trước. Trong năm 2023, TPDN phát hành không có tài sản bảo đảm chiếm tới 67%. Giá trị mua lại TPDN trước hạn tiếp tục tăng, đạt 248.880 tỷ đồng và tăng tương ứng 7,6% so với năm 2022. Quy mô TPDN đáo hạn trong năm 2024 và 2025 lần lượt là khoảng 277,5 nghìn tỷ và 295,2 nghìn tỷ đồng, trong đó có tỷ lệ đáo hạn của các doanh nghiệp bất động sản chiếm khoảng 41% và 36,8%, của các TCTD lần lượt là khoảng 21,3% và 46,6%. Ngoài ra, TPDN không thanh toán đúng hạn trong năm 2023 là khoảng 100,1 nghìn tỷ đồng và chỉ 57% trong số đó có phương án xử lý giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư.

3. Tình hình hệ thống các TCTD năm 2023

Tổng tài sản của hệ thống các TCTD cuối năm 2023 đạt hơn 20 triệu tỷ đồng, tăng 11,6% so với thời điểm cuối năm 2022, thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2022. Xét bên phía tài sản, tỷ trọng tổng tài sản của các TCTD trong năm 2023 không có nhiều thay đổi so với năm trước, đầu tư cho tổ chức kinh tế (TCKT) và cá nhân trong nước vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất. Xét bên phía nguồn vốn, tỷ trọng các cấu phần trong tài sản nợ năm 2023 không có nhiều thay đổi, chiếm tỷ trọng chủ yếu vẫn là các khoản nợ phải trả¹⁰. Các cấu phần trong tổng nợ phải trả đa phần đều có tăng trưởng dương, nhưng tốc độ tăng trưởng hầu hết chậm hơn so với năm 2022. Nguồn huy động từ các TCKT và dân cư đạt xấp xỉ 14,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,2%, cao hơn so với mức tăng của các năm gần đây. Tiền

¹⁰ Các khoản nợ phải trả bao gồm: Huy động từ các TCKT và dân cư; Tài sản nợ nước ngoài; Tiền gửi chính phủ; Vay NHNN; Công cụ tài chính phái sinh và TSTC khác; Tài sản nợ khác.

gửi tiết kiệm của nhóm khách hàng cá nhân hết năm đạt 6,5 triệu tỷ đồng, tăng 11,4% so với thời điểm cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,78% so với cuối năm 2022, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng đã đưa ra đầu năm 2023 (khoảng 14 - 15%). Một số nguyên nhân dẫn đến mức tăng trưởng này có thể kể đến như cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế gặp khó khăn; đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng giảm, dẫn tới cầu tín dụng của người dân, doanh nghiệp giảm tương ứng; một số nhóm khách hàng có nhu cầu, nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn; khó khăn từ thị trường bất động sản tác động đến khả năng hấp thụ tín dụng của nhóm bất động sản trong khi tín dụng bất động sản chiếm tỷ trọng hơn 21% trong tổng tín dụng chung...

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các TCTD áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN tăng nhẹ trong năm 2023, từ 11,68% lên 11,75% do các ngân hàng đã đẩy mạnh việc trả cổ tức bằng cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ, cải thiện tỷ lệ CAR. Trong đó, nhóm các NHTM Nhà nước có tỷ lệ CAR là 9,64% (tăng so với tỷ lệ 9,16% năm 2022); NHTM cổ phần là 11,86% (giảm so với tỷ lệ 12,01% năm 2022); ngân hàng nước ngoài là 21,47% (tăng so với tỷ lệ 19,16% năm 2022). Có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ CAR giữa nhóm ngân hàng quốc doanh và ngân hàng tư nhân là do khác với khối tư nhân, việc tăng vốn điều lệ nằm ngoài khả năng tự chủ của các ngân hàng thương mại nhà nước. Tốc độ tăng vốn điều lệ chậm hơn tăng trưởng tài sản trong nhiều năm khiến tỷ lệ an toàn vốn của những ngân hàng này thấp hơn so với mặt bằng chung và cận kề ngưỡng tối thiểu.

4. Tình hình khu vực doanh nghiệp, hộ gia đình và bất động sản

Khu vực doanh nghiệp

Năm 2023, khu vực doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với các khó khăn và thách thức. Căng thẳng chính trị, rủi ro biến đổi khí hậu, thách thức an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, lạm phát thế giới tuy có xu hướng giảm tốc nhưng vẫn còn dấu hiệu cao ở một số quốc gia, một số các quốc gia phát triển như Mỹ, EU tiếp tục thắt chặt tiền tệ, thương mại toàn cầu suy giảm, ...điều này khiến cho nền kinh tế toàn cầu có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm và không đồng đều ở các quốc gia. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nhu cầu các nước suy giảm đã tác động hầu hết các ngành, lĩnh vực của Việt Nam; dẫn đến các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn về thị trường, đơn hàng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu sụt giảm mạnh, dẫn đến tình trạng cắt giảm quy mô sản xuất và lao động. Đơn hàng

sụt giảm mạnh ở nhiều ngành xuất khẩu như dệt may, da giày, gỗ và sản phẩm gỗ, sắt thép, xi măng, xơ sợi dệt các loại,...

Để hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi kinh tế, Chính phủ và các Bộ, ngành trong đó có NHNN đã tích cực thực hiện các giải pháp như giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, miễn, giảm và gia hạn thuế, phí; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản,...

Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2023 lần đầu tiên chạm mức kỷ lục, đạt 159.294 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,2% so với năm 2022; gấp 1,2 lần mức bình quân giai đoạn 2017-2022. Cả nước có 13/17 ngành có số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng so với năm 2022. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2023 đạt 58.412 doanh nghiệp, qua đó góp phần đưa số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tiếp tục ở mức trên 200 nghìn doanh nghiệp (217.706 doanh nghiệp), tăng 4,5% so với năm 2022.

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong năm 2023 với 172.578 nghìn doanh nghiệp, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (chiếm 51,6%). Phần lớn các doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là các doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng.

Năm 2024 được dự báo là năm vẫn còn khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp như chất lượng cơ sở hạ tầng đang cải thiện nhưng vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế; khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp vẫn chưa cao trong bối cảnh kinh tế khó khăn, đơn hàng suy giảm, tổng cầu trong nước giảm; chi phí sản xuất kinh doanh cao cũng làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam;...

Hộ gia đình

Khu vực hộ gia đình ghi nhận nhiều dấu hiệu tích cực trong năm 2023: Lao động có việc làm đạt 51,3 triệu người, tăng 1,35% so với năm 2022; thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,1 triệu đồng, tăng 6,9% so với năm 2022; số lượng người thất nghiệp và thiếu việc làm thấp hơn so với năm 2022. Dư nợ tín dụng của cá nhân, hộ kinh doanh đạt tăng trưởng dương, tuy nhiên mức tăng trưởng giảm so với các năm trước. Dư nợ tín dụng tiêu dùng vẫn chủ yếu là các khoản dư nợ với kỳ hạn trung và dài hạn.

Bất động sản (BDS)

Thị trường BDS năm 2023 có những biến động khác nhau ở các phân khúc BDS, trong đó BDS khu công nghiệp có nhiều điểm sáng, trong khi BDS nhà ở tập trung vào phân khúc trung cấp và bình dân, BDS condotel và officetel trầm lắng. Trong năm 2023, Chính Phủ đã chỉ đạo ban hành nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy thị trường BDS phát triển ổn định, lành mạnh hơn như Nghị quyết 33/NQ-CP ngày 11/3/2023, Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 – 2030”; thông qua Luật đất đai, Luật kinh doanh BDS, Luật nhà ở. Hoạt động của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trong năm 2023 không có nhiều thay đổi so với năm 2022, chủ yếu là một số doanh nghiệp lớn đầu ngành có kết quả kinh doanh khả quan.

5. Nhận định năm 2024

Tăng trưởng kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với các thách thức khi cầu thế giới dự kiến vẫn tăng thấp, tác động đến hoạt động thương mại, đầu tư và các ngành sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo. Mặc dù vậy, với tác động trễ của các giải pháp chính sách hỗ trợ nền kinh tế được triển khai liên tục từ đầu năm 2023 cùng với việc Chính phủ quyết liệt chỉ đạo các giải pháp tháo gỡ khó khăn trên thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, qua đó giúp các thị trường dần phục hồi, tác động tích cực từ các hiệp định thương mại tự do và việc nâng cấp quan hệ ngoại giao của Việt Nam với một số quốc gia (Mỹ, Nhật Bản,...), tăng trưởng kinh tế năm 2024 dự kiến có thể cải thiện so với mức 5,05% của năm 2023.

Việc kiểm soát lạm phát năm 2024 có thể gặp nhiều thách thức trong bối cảnh giá năng lượng, lương thực trong nước có thể diễn biến phức tạp theo giá thế giới khi còn nhiều yếu tố bất định như chiến tranh, chính sách cắt giảm nguồn cung và thắt chặt an ninh lương thực, các hiện tượng thời tiết cực đoan; tiếp tục triển khai lộ trình điều chỉnh tăng giá Nhà nước quản lý (điện, học phí, giáo dục); thực hiện cải cách chế độ tiền lương theo lộ trình từ tháng 7/2024; các yếu tố bất thường như thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tới giá lương thực thực phẩm trong nước...

Khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế gặp một số lực cản, ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng gắn với kiểm soát nợ xấu và an toàn hệ thống ngân hàng. NHNN định hướng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến tình hình thực tế. Tuy nhiên kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục gặp khó khăn dưới tác động của

điều kiện tài chính thắt chặt, xung đột địa chính trị, rủi ro tài chính (nợ công, nợ xấu) gia tăng. Điều này có thể tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế. Trong nước, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa được cải thiện chủ yếu xuất phát từ các yếu tố như sức cầu của đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng còn yếu; một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn, nhất là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, tỷ lệ tín dụng/GDP ở Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, nguồn vốn phục vụ tăng trưởng tiếp tục tập trung vào tín dụng ngân hàng, tiềm ẩn rủi ro an toàn hệ thống tài chính tiền tệ.

Trong bối cảnh trên, NHNN tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường và bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để: (i) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ. hoạt động của hệ thống Ngân hàng.; **(ii)** Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, góp phần phát triển hệ thống các TCTD hoạt động lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tiệm cận, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Tập trung thực hiện có hiệu quả phương án xử lý các TCTD yếu kém, triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh, thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng giúp tăng năng suất và hiệu quả hoạt động; **(iii)** Tập trung nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ngành Ngân hàng. Tập trung thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các rủi ro, tồn tại và sai phạm của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân hàng.; **(iv)** Tăng cường kỷ cương, kỷ luật thị trường trong việc chấp hành chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN và các quy định trong hoạt động ngân hàng.